

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Chia một số thập phân cho một số thập phân.
- Vận dụng để tìm x và giải toán có lời văn .
- Rèn kĩ năng chia một số thập phân cho một số thập phân.
- Bài tập cần làm: Bài1 (a, b, c) bài 2(a), bài 3.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Gọi 1 hs nêu quy tắc chia số thập phân cho số thập phân. - Gọi 1 HS thực hiện tính phép chia: $75,15 : 1,5 = \dots?$ - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài.	- HS nêu quy tắc. - 1HS lên bảng thực hiện, cả lớp tính bảng con. - HS lắng nghe. - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(25 phút) <i>*Mục tiêu:</i> HS biết : - Chia một số thập phân cho một số thập phân. - Vận dụng để tìm x và giải toán có lời văn . <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1(a,b,c): Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - GV yêu cầu HS tự làm bài. - Yêu cầu HS vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. - GV nhận xét HS.	- Cả lớp đọc thầm - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ - Kết quả tính đúng là : a) $17,55 : 3,9 = 4,5$ b) $0,603 : 0,09 = 6,7$ c) $0,3068 : 0,26 = 1,18$
Bài 2a: Cá nhân - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - GV yêu cầu HS tự làm bài	- Bài tập yêu cầu chúng ta tìm x . - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ a) $x \times 1,8 = 72$ $x = 72 : 18$ $x = 40$

- GV nhận xét Bài 3: Cặp đôi - GV gọi HS đọc đề bài toán - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi làm bài sau đó chia sẻ trước lớp. - GV nhận xét Bài 4(M3,4): Cá nhân - Yêu cầu HS đọc đề. Hướng dẫn dành cho HS (M3,4) - GV hỏi: Để tìm số dư của 218: 3,7 chúng ta phải làm gì? - Bài tập yêu cầu chúng ta thực hiện phép chia đến khi nào? - GV yêu cầu HS đặt tính và tính. - GV hỏi: Vậy nếu lấy đến hai chữ số ở phần thập phân của thương thì số dư của phép chia 218: 3,7 là bao nhiêu? - GV nhận xét	- HS nghe - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm trong SGK. - HS chia sẻ kết quả trước lớp. <i>Bài giải</i> 1l dầu hoả nặng là: $3,952 : 5,2 = 0,76 \text{ (kg)}$ Số lít dầu hoả có là: $5,32 : 0,76 = 7 \text{ (l)}$ Đáp số: 7l - HS làm bài cá nhân. - Chúng ta phải thực hiện phép chia 218: 3,7 - Thực hiện phép chia đến khi lấy được 2 chữ số ở phần thập phân - HS đặt tính và thực hiện phép tính - HS: Nếu lấy hai chữ số ở phần thập phân của thương thì 218: 3,7 = 58,91 (dư 0,033)
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm các phép tính sau: $9,27 : 45$ $0,3068 : 0,26$ - Về nhà vận dụng kiến thức đã học vào tính toán trong thực tế.	- HS làm bài $9,27 : 45 = 0,206$ $0,3068 : 0,26 = 1,18$ - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Tập đọc

TIẾT 29: BUÔN CHƯ LÊNH ĐÓN CÔ GIÁO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu nội dung: Người Tây Nguyên quý trọng cô giáo, mong muốn con em được học hành .(Trả lời được câu hỏi 1, 2, 3).
- Phát âm đúng tên người dân tộc trong bài, biết đọc diễn cảm với giọng phù hợp nội dung từng đoạn .

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh luôn có tâm lòng nhân hậu. Kính trọng và biết ơn thầy cô giáo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Tổ chức cho học sinh thi đọc thuộc lòng bài thơ <i>Hạt gạo làng ta</i>. - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài và tựa bài: <i>Buôn Chư Lênh đón cô giáo</i>.	- Học sinh thực hiện. - Lắng nghe. - Học sinh nhắc lại tên bài và mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (12 phút)	
*Mục tiêu:	
- Rèn đọc đúng từ khó trong bài : <i>Chư Lênh, chặt ních, lông thú, cột nóc, Rock</i> - Rèn đọc đúng câu, từ, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới: <i>buôn, nghi thức, gửi...</i>	
*Cách tiến hành: HĐ cả lớp	
- Cho HS đọc toàn bài, chia đoạn - Cho HS nối tiếp nhau đọc đoạn trong nhóm - Luyện đọc theo cặp. - HS đọc toàn bài - GV đọc mẫu.	- 1 HS đọc toàn bài, chia đoạn + Đoạn 1: <i>Từ đầu.....khách quý ?</i> + Đoạn 2: <i>Tiếp...chém nhát dao.</i> + Đoạn 3: <i>Tiếp..... xem cái chữ nào.</i> + Đoạn 4: <i>Còn lại</i> - Nhóm trưởng điều khiển nhóm hoạt động + HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó. + HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - 2 HS đọc cho nhau nghe - 1 HS đọc
Lưu ý: Quan sát và theo dõi tốc độ đọc	- HS theo dõi.

<i>của đối tượng M1</i>	
2.2. HĐ Tìm hiểu bài: (20 phút) *Mục tiêu: Hiểu ý nghĩa : Người Tây Nguyên quý trọng cô giáo, mong muốn con em được học hành .(Trả lời được câu hỏi 1, 2, 3). *Cách tiến hành:	
- Cho HS đọc bài, thảo luận và trả lời câu hỏi: + Cô giáo đến buôn Chư Lênh làm gì? + Người dân Chư Lênh đón cô giáo như thế nào? + Những chi tiết nào cho thấy dân làng háo hức chờ đợi và yêu quý “cái chữ”? + Tình cảm của cô giáo Y Hoa đối với người dân nơi đây như thế nào? + Tình cảm của người dân Tây Nguyên với cô giáo, với cái chữ nói lên điều gì? Lưu ý: - Đọc đúng: M1, M2 - Đọc hay: M3, M4	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm hoạt động, chia sẻ trước lớp + Cô Y Hoa đến buôn Chư Lênh để dạy học. + Người dân đón tiếp cô giáo rất trang trọng và thân tình, họ đến chật ních ngôi nhà sàn. Họ mặc quần áo như đi hội, họ trải đường đi cho cô giáo suốt từ đầu cầu thang tới cửa bếp giữa nhà + Mọi người ùa theo già làng đề nghị cô giáo cho xem cái chữ, mọi người im phăng phắc khi xem Y Hoa viết. Y Hoa viết xong, bao nhiêu tiếng cùng hò reo. + Cô giáo Y Hoa rất yêu quý người dân ở buôn làng, cô rất xúc động, tim đập rộn ràng khi viết cho mọi người xem cái chữ. + Tình cảm của người dân Tây Nguyên đối với cô giáo, với cái chữ cho thấy: - Người Tây Nguyên rất ham học, ham hiểu biết - Người TN rất quý người, yêu cái chữ.
3. HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm: (8 phút) *Mục tiêu: - Học sinh đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết. *Cách tiến hành: HĐ cá nhân - cả lớp	
- Gọi 4 HS đọc nối tiếp bài - Tổ chức HS đọc diễn cảm + Treo bảng phụ ghi đoạn văn cần luyện đọc + Đọc mẫu + Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp - Tổ chức cho HS thi đọc - GV nhận xét	- HS nghe, tìm cách đọc hay - 2 HS đọc cho nhau nghe - 3 HS thi đọc
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Em học tập được đức tính gì của người dân ở Tây Nguyên ? - Nếu được đến Tây Nguyên, em sẽ đi thăm nơi nào ?	- Đức tính ham học, yêu quý con người,... - HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

Chính tả

TIẾT 15: BUÔN CHU LÊNH ĐÓN CÔ GIÁO (Nghe - viết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe- viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi.
- Rèn kỹ năng phân biệt **ch/tr**.
- Nghiêm túc, cẩn thận, tỉ mỉ. Yêu thích môn học.
- Làm đúng bài tập 2a, 3a.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5phút)	
- Cho HS thi viết các từ chỉ khác nhau ở âm đầu ch/tr : Chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 6 bạn lần lượt lên viết các từ chỉ khác nhau ở âm đầu ch/tr . Đội nào viết đúng và nhiều hơn thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài - Ghi đầu bài lên bảng.	- HS chơi trò chơi - HS nghe - Mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Chuẩn bị viết chính tả. (5 phút)	
*Mục tiêu: - Học sinh có tâm thế tốt để viết bài. - Nắm được nội dung bài văn để viết cho đúng chính tả.	
*Cách tiến hành: HĐ cả lớp	
- Tìm hiểu nội dung đoạn viết + HS đọc đoạn viết + Đoạn văn cho em biết điều gì? - Hướng dẫn viết từ khó + Yêu cầu HS tìm các từ khó khi viết chính tả. + HS viết các từ khó vừa tìm được	- HS đọc bài viết - Đoạn văn nói lên tấm lòng của bà con Tây Nguyên đối với cô giáo và cái chữ. - Y Hoa, phẳng phác, quỳ, lòng ngực . - HS viết từ khó
2.2. HĐ viết bài chính tả. (15 phút)	
*Mục tiêu: - Nghe- viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi .	

*Cách tiến hành: HĐ cá nhân	
- GV đọc bài viết lần 2 - GV đọc cho HS viết bài - GV quan sát, uốn nắn cho HS viết chưa đúng chưa đẹp Lưu ý: - Tư thế ngồi: - Cách cầm bút: - Tốc độ:	- HS nghe - HS viết bài
2.3. HĐ chấm và nhận xét bài. (5 phút)	
*Mục tiêu:	
- Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn.	
*Cách tiến hành: HĐ cá nhân - cặp đôi	
- Giáo viên đọc lại bài cho học sinh soát lỗi. - Giáo viên chấm nhanh 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh.	- HS soát lại bài, tự phát hiện lỗi và sửa lỗi.
3. HĐ luyện tập, thực hành: (8 phút)	
*Mục tiêu: Làm đúng bài tập 2a, 3a .	
*Cách tiến hành:	
Bài 2a: HĐ Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS thảo luận nhóm - Cho các nhóm lên bảng làm - GV nhận xét bổ sung + trời (trời lên) - chòi (chòi cây) + trổ (trổ xôi) - chõ (nói chõ vào)...	- HS đọc yêu cầu - HS thảo luận và làm bài tập - Đại diện các nhóm lên làm bài Đáp án: + tra (tra lúa) - cha (mẹ) + trà (uống trà) - chà (chà sát) + tròng (tròng dây) - chòng (chòng ghẹo)
Bài 3a: Cá nhân - HS đọc yêu cầu - HS tự làm bài - Gọi HS nhận xét bài của bạn - GV nhận xét từ đúng.	- HS đọc yêu cầu bài - HS làm bài vào vở, chia sẻ kết quả - Lớp nhận xét bài của bạn - 1 HS đọc thành tiếng bài đúng
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học - Chọn một số vở học sinh viết chữ sạch đẹp không mắc lỗi cho cả lớp xem. - Nhận xét tiết học. - Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về	- Lắng nghe - Quan sát, học tập. - Lắng nghe

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Đạo đức

TIẾT 15: TÔN TRỌNG PHỤ NỮ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS nêu được vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội.
- Biết được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự tôn trọng phụ nữ.
- Tôn trọng, quan tâm, không phân biệt đối xử với chị em gái, bạn gái và những người phụ nữ khác trong cuộc sống hằng ngày.

***GDKNS:** Biết tôn trọng phụ nữ, biết chăm sóc giúp đỡ bà mẹ, chị em gái, cô giáo, các bạn gái và những người phụ nữ khác ngoài xã hội.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Trung thực trong học tập và cuộc sống. Tôn trọng người phụ nữ và các bạn gái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS trả lời câu hỏi: + Tại sao người phụ nữ là những người đáng tôn trọng? - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS trả lời - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(27phút)	
* Mục tiêu: - HS nêu được vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. - Biết được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự tôn trọng phụ nữ. * Cách tiến hành:	
HD1: Xử lý tình huống (bài tập 3) - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho HS thảo luận. - GV theo dõi HD. - Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - GV kết luận: a, Chọn trưởng nhóm phụ trách sao cần phải xem khả năng tổ chức công việc và khả năng hợp tác với bạn khác trong công việc. Nếu Tiến có khả năng thì có thể chọn bạn. Không nên chọn Tiến chỉ vì bạn đó là con trai.	- HS thảo luận theo nhóm 4. - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

b, Mỗi người đều có quyền bày tỏ ý kiến của mình. Bạn Tuấn nên lắng nghe các bạn nữ phát biểu. Hoạt động 2: Làm bài tập 4 (sgk) - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận theo nhóm. - GV kết luận: + Ngày 8 tháng 3 là ngày Quốc tế phụ nữ. + Ngày 20 tháng 10 là ngày Phụ nữ Việt Nam. + Hội phụ nữ, câu lạc bộ các nữ doanh nhân là các tổ chức xã hội dành riêng cho phụ nữ. Hoạt động 3: Ca ngợi phụ nữ Việt Nam (bài tập 5) - GV tổ chức cho HS hát, múa, đọc thơ hoặc kể chuyện về một người phụ nữ mà em yêu mến, kính trọng. - GV theo dõi, tuyên dương.	- HS làm việc theo nhóm đôi. - Đại diện các nhóm báo cáo.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Em làm gì để thể hiện sự tôn trọng đối với những người phụ nữ trong gia đình mình ?	- HS nêu
- Cùng các bạn trong lớp lập kế hoạch tổ chức Ngày Quốc tế Phụ nữ.	- HS nghe và thực hiện.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

CỦNG CỐ KIẾN THỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- HS đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.
- Rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

2. Năng lực chung: - **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Tiếng Việt: Tiết 1 tuần 15

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
Hoạt động 1. HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: Bài 1: Đọc hiểu: Quà cho mùa giáng sinh *Đọc đoạn: HS nối tiếp đọc các đoạn của bài (3 lượt) * Yêu cầu luyện đọc nhóm cặp * Đọc diễn cảm: - HS khá đọc bài. YC tìm cách đọc đúng, hay. - GV đọc mẫu. - HS đọc bài theo nhóm cặp. - Thi đọc diễn cảm - Nhận xét tuyên dương. - Phần tiếp theo yêu cầu gì? - Muốn khoanh đúng em dựa vào đâu? - Y/c HS làm bài - Y/c HS thảo luận nhóm đôi (1 p), - Chữa bài miệng. - GV tổ chức cho HS chữa bài: - GV chốt câu trả lời đúng: 1.b, 2.c, 3.b, 4.c, 5.b, 6 HS tự trả lời. * Bài 2: - Gọi HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS trình bày. - GV nhận xét KL	- HS thực hiện theo yêu cầu - Hs thực hiện YC - HS luyện đọc nhóm cặp * Luyện đọc diễn cảm - 1 HS khá đọc bài, cả lớp tìm cách đọc hay. - HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm 2. - 3 HS thi đọc - Hs nhận xét và bình chọn - Khoanh vào các ý đúng. - HS trả lời - HS chữa bài miệng. - 2 em ngồi cùng bàn trao đổi - 3 HS nối tiếp nêu - HS làm theo y/c của GV - HS đọc đề bài - Hs làm theo YC - HS trình bày bài làm - HS lắng nghe

* <u>Bài 3:</u> - Gọi HS đọc đề bài. - Tổ chức thi điền từ tiếp sức(hai nhóm mỗi nhóm 3 HS thi điền từ) - Cả lớp nhận xét bổ xung. - GV nhận xét	- HS đọc đề bài - Hs làm theo YC - HS nhận xét bổ xung - HS lắng nghe
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)	
- Giáo viên đánh giá khen trước lớp. - Tổng kết tiết học	- HS nghe và thực hiện
- Dặn HS chuẩn bị bài hôm sau	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 12 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 71: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện các phép tính với số thập phân
- So sánh các số thập phân.
- Vận dụng để tìm x.
- Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính với phân số.
- HS làm bài 1(a, b), bài 2 (cột1), bài 4(a, c).

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS hát - Gọi học sinh nêu quy tắc chia số thập phân cho số thập phân. - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài.	- HS hát - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Biết : - Thực hiện các phép tính với số thập phân - So sánh các số thập phân. - Vận dụng để tìm x. - HS làm bài 1(a, b), bài 2(cột1), bài 4(a, c). <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1 (a, b): Cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét Bài 2(cột 1): Cá nhân - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ? - GV viết lên bảng một phép so sánh,	- HS đọc thầm đề bài trong SGK. - Cả lớp làm vào vở, chia sẻ kết quả a) $400 + 50 + 0,07 = 450,07$ b) $30 + 0,5 + 0,04 = 30,54$ - HS nghe - Bài tập yêu cầu chúng ta so sánh các số. - Trước hết chúng ta phải chuyển hỗn

chẳng hạn $4\frac{3}{5} \dots 4,35$ và hỏi: Để thực hiện được phép so sánh này trước hết chúng ta phải làm gì ? - GV yêu cầu HS thực hiện chuyển hỗn số $4\frac{3}{5}$ thành số thập phân rồi so sánh. - GV yêu cầu HS làm tương tự với các phần còn lại. - GV nhận xét chữa bài Bài 4(a,c): Cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu - GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi tự làm bài. - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - GV nhận xét chữa bài Bài 3(M3,4): HĐ cá nhân - Yêu cầu Hs đọc đề. Hướng dẫn dành cho HS (M3,4) - GV hỏi: Để tìm số dư của $6,251 : 7$ chúng ta phải làm gì? - Bài tập yêu cầu chúng ta thực hiện phép chia đến khi nào? - GV yêu cầu HS đặt tính và tính. - GV hỏi: Vậy nếu lấy đến hai chữ số ở phần thập phân của thương thì số dư của phép chia $6,251 : 7$ là bao nhiêu ? - Tương tự với các câu còn lại - GV nhận xét	số $4\frac{3}{5}$ thành số thập phân. - HS thực hiện chuyển và nêu: $4\frac{3}{5} = \frac{23}{5} = 23 : 5 = 4,6$ $4,6 > 4,35$ Vậy $4\frac{3}{5} > 4,35$ - HS làm các phần còn lại - Tìm x - HS lên bảng chia sẻ kết quả trước lớp a. $0,8 \times x = 1,2 \times 10$ $0,8 \times x = 12$ $x = 12 : 0,8$ $x = 15$ - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK - Chúng ta phải thực hiện phép chia $6,251 : 7$ - Thực hiện phép chia đến khi lấy được 2 chữ số ở phần thập phân - HS đặt tính và thực hiện phép tính - HS: Nếu lấy hai chữ số ở phần thập phân của thương thì $6,251 : 7 = 0,89$ (dư 0,021)
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Gv hệ thống lại nội dung đã luyện tập. - Gv lưu ý học sinh khi tìm số dư cần chú ý tới cách đóng dấu phẩy và tìm giá trị của số dư.	- HS nghe
- Về nhà tìm số dư của các phép tính sau, biết rằng phần thập phân của thương lấy đến 2 chữ số: $3,076 : 0,85$ và $12 : 3,45$	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Luyện từ và câu
TIẾT 29: MỞ RỘNG VỐN TỪ: HẠNH PHÚC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được nghĩa của từ hạnh phúc (BT1).
- Tìm được từ đồng nghĩa và trái nghĩa với từ hạnh phúc, nêu được một số từ ngữ chứa tiếng phúc (BT2).
- Xác định được yếu tố quan trọng nhất tạo nên một gia đình hạnh phúc (BT4) .
- Sử dụng vốn từ hợp lí khi nói và viết.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, ngoan ngoãn là hạnh phúc của gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho Hs thi đọc lại đoạn văn tả mẹ cấy lúa của bài tập 3 tiết trước. - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài. - Tiết học hôm nay thầy sẽ giúp các em hiểu thế nào là hạnh phúc. Các em được mở rộng về vốn từ hạnh phúc và biết đặt câu liên quan đến chủ đề hạnh phúc. - Gv ghi tên bài lên bảng.	- HS đọc đoạn văn của mình. - HS lắng nghe. - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(27 phút)	
* Mục tiêu: - Hiểu được nghĩa của từ hạnh phúc (BT1). - Tìm được từ đồng nghĩa và trái nghĩa với từ hạnh phúc, nêu được một số từ ngữ chứa tiếng phúc (BT2) . - Xác định được yếu tố quan trọng nhất tạo nên một gia đình hạnh phúc (BT4) .	
* Cách tiến hành:	
Bài tập 1:Cặp đôi - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS làm việc theo cặp - Trình bày kết quả - GV cùng lớp nhận xét bài của bạn	- HS nêu - HS làm bài theo cặp - HS trình bày Đáp án: Ý đúng là ý b: <i>Trạng thái sung sướng vì cảm thấyhoàn toàn đạt được ý</i>

- Yêu cầu HS đặt câu với từ hạnh phúc. - Nhận xét câu HS đặt Bài tập 2: Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - Yêu cầu HS làm bài trong nhóm. - Kết luận các từ đúng. - Yêu cầu HS đặt câu với từ vừa tìm được - Nhận xét câu HS đặt. Bài tập 4: Nhóm - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm - Gọi HS phát biểu và giải thích vì sao em lại chọn yếu tố đó. - GV KL: Tất cả các yếu tố trên đều có thể tạo nên một gia đình hạnh phúc, nhưng mọi người sống hoà thuận là quan trọng nhất. Bài 3(M3,4): - Cho HS đọc đề rồi tự làm bài vào vở. - GV giúp đỡ nếu cần thiết.	<i>nguyện.</i> - HS đặt câu: + Em rất hạnh phúc vì đạt HS giỏi. + Gia đình em sống rất hạnh phúc. - HS nêu - HS thảo luận nhóm, trình bày kết quả Đáp án: + Những từ đồng nghĩa với từ hạnh phúc: sung sướng, may mắn... + Những từ trái nghĩa với hạnh phúc: bất hạnh, khốn khổ, cực khổ, cơ cực... - HS đặt câu: + Cô ấy rất may mắn trong cuộc sống. + Tôi sung sướng reo lên khi được điểm 10. + Chị Dậu thật khốn khổ. - HS đọc yêu cầu bài - HS thảo luận nhóm - HS nối tiếp nhau phát biểu. - Tất cả các yếu tố trên đều có thể tạo nên hạnh phúc nhưng mọi người sống hoà thuận là quan trọng nhất. Nếu: + Một gia đình nếu con cái học giỏi nhưng bố mẹ mâu thuẫn, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình rất căng thẳng cũng không thể có hạnh phúc được. + Một gia đình mà các thành viên sống hoà thuận, tôn trọng yêu thương nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ là một gia đình hạnh phúc. - HS tự làm bài vào vở. - Ví dụ: <i>phúc ắc, phúc bất trùng lai, phúc đức, phúc hậu, phúc lợi, phúc lộc, phúc tinh, vô phúc, có phúc,...</i>
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Ghép các tiếng sau vào trước hoặc sau tiếng phúc để tạo nên các từ ghép: <i>lợi, đức, vô, hạnh, hậu, làm, chúc, hồng</i>	- HS nêu: <i>phúc lợi, phúc đức, vô phúc, hạnh phúc, phúc hậu, làm phúc, chúc phúc, hồng phúc.</i>
- Về nhà đặt câu với các từ tìm được ở trên.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Khoa học

TIẾT 29: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA CHẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được ví dụ về một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí
- Phân biệt được một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí.
- Giáo dục học sinh yêu thích môn học

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Nhận xét bài KTĐK - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút) * Mục tiêu: Nêu được ví dụ về một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí * Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Ba thể của chất và đặc điểm của chất rắn, chất lỏng, chất khí + Theo em, các chất có thể tồn tại ở những thể nào? - Yêu cầu HS làm phiếu - Yêu cầu HS nhận xét bài của bạn - GV nhận xét, khen ngợi	+ Các chất có thể tồn tại ở thể lỏng thể rắn, thể khí. - 1 HS lên bảng, lớp làm phiếu a) Cát: thể rắn Còn: thể lỏng Ôxi: thể khí b) Chất rắn có đặc điểm gì? 1 b. Có hình dạng nhất định + Chất lỏng có đặc điểm gì? 2 c . Không có hình dạng nhất định, có hình dạng của vật chứa nó. + Chất khí có đặc điểm gì? 3c .Không có hình dáng nhất định, có hình dạng của vật chứa nó, không nhìn thấy được - HS nhận xét và đối chiếu bài
Hoạt động 2: Sự chuyển thể của chất lỏng trong đời sống hàng ngày - Dưới ảnh hưởng của nhiệt, yêu cầu HS quan sát - Gọi HS trình bày ý kiến	- 2 HS ngồi cùng trao đổi và trả lời câu hỏi H1: Nước ở thể lỏng đựng trong cốc H2: Nước ở thể rắn ở nhiệt độ thấp

- GV nhận xét + Trong cuộc sống hàng ngày còn rất nhiều chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác. Nêu ví dụ? - Điều kiện nào để các chất chuyển từ thể này sang thể khác Hoạt động 3: Trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" - Tổ chức trò chơi - Chia nhóm - Ghi các chất vào cột phù hợp đánh dấu vào các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác. - Tại sao bạn lại cho rằng chất đó có thể chuyển từ thể lỏng sang thể rắn - Lấy ví dụ chứng minh	H3: Nước bốc hơi chuyển thành thể khí gặp nhiệt độ cao - Mùa đông mỡ ở thể rắn cho vào chảo nóng mỡ chuyển sang thể lỏng. - Nước ở thể lỏng cho vào ngăn đá chuyển thành đá (thể rắn) - Khí ni tơ gặp nhiệt độ lạnh thích hợp chuyển sang khí ni tơ lỏng. - Để chuyển từ thể này sang thể khác khi có điều kiện thích hợp của nhiệt độ - HS chia nhóm - HS hoạt động nhóm và báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung ý kiến. - Trả lời theo ý gợi ý
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Nêu một số ví dụ về sự chuyển thể của chất ?	- HS nêu: + Sáp, thủy tinh, kim loại ở nhiệt độ cao thích hợp thì chuyển từ thể rắn sang thể lỏng. + Khí ni-tơ được làm lạnh trở thành khí ni-tơ lỏng. + Nước ở nhiệt độ cao chuyển thành đá ở thể rắn,...
- Về nhà thực hiện một thí nghiệm đơn giản để thấy sự chuyển thể của nước.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Lịch sử

TIẾT 15: CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI THU - ĐÔNG 1950

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Kể lại được một số sự kiện về chiến dịch Biên giới trên lược đồ:
 - + Ta mở chiến dịch Biên giới nhằm giải phóng một phần biên giới, củng cố và mở rộng Căn cứ địa Việt Bắc, khai thông đường liên lạc quốc tế.
 - + Mở đầu ta tấn công cứ điểm Đông Khê.
 - + Mất Đông Khê, địch rút quân khỏi Cao Bằng theo đường số 4, đồng thời đưa lực lượng lên để chiếm lại Đông Khê.
 - + Sau nhiều ngày đêm giao tranh quyết liệt quân Pháp đóng trên đường số 4 phải rút chạy.
- + Chiến dịch Biên giới thắng lợi, Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố và mở rộng.
- Kể lại được tấm gương anh hùng La Văn Cầu

2. Năng lực chung: Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động. Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước. HS yêu thích môn học lịch sử

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: SGK, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS tổ chức thi hỏi đáp: + Thuộc lại diễn biến chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 + Nêu ý nghĩa thắng lợi Việt Bắc thu - đông 1947	- HS trả lời - HS trả lời
- GV nhận xét HS - Giới thiệu bài - Ghi vở	- HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(30 phút) * Mục tiêu: Tường thuật sơ lược được diễn biến chiến dịch Biên giới trên lược đồ. * Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Ta quyết định mở chiến dịch biên giới Thu - Đông 1950.(Cả lớp) - Dùng bản đồ Việt Nam hoặc lược đồ vùng Bắc Bộ sau đó giới thiệu: + Các tỉnh trong căn cứ địa Việt Bắc + Từ 1948 đến giữa năm 1950 ta mở một loạt các chiến dịch quân sự và giành được nhiều thắng lợi. Trong tình hình đó, thực dân Pháp âm mưu cô lập căn cứ địa Việt Bắc: Chúng khoát chặt biên giới Việt - Trung + Nếu để Pháp tiếp tục khóa chặt biên giới Việt	- HS theo dõi + Nếu tiếp tục để địch đóng quân tại đây và khóa chặt Biên giới Việt - Trung thì căn cứ địa VB.....liên

- Trung, sẽ ảnh hưởng gì đến căn cứ địa Việt Bắc và kháng chiến của ta? + Vậy nhiệm vụ của kháng chiến lúc này là gì? Hoạt động 2: Diễn biến, kết quả chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm. + Trận đánh mở màn cho chiến dịch là trận nào? Hãy thuật lại trận đánh đó? + Sau khi mất Đông Khê, địch làm gì? Quân ta làm gì trước hành động đó của địch? + Nêu kết quả của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950. - 3 nhóm học sinh thi trình bày diễn biến chiến dịch Biên giới thu - đông 1950. + Em có biết vì sao ta lại chọn Đông Khê là trận mở đầu chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 không? Hoạt động 3: Ý nghĩa của chiến thắng Biên giới thu - đông 1950 - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi: Nêu điểm khác nhau chủ yếu của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 với chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947. - Điều đó cho thấy sức mạnh của quân và dân ta như thế nào so với những ngày đầu kháng chiến? + Chiến thắng Biên giới thu - đông 1950 có tác động thế nào đến địch? Mô tả những điều em thấy trong hình 3. Hoạt động 4: Bác Hồ trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, gương chiến đấu dũng cảm của anh La Văn Cầu. - Yêu cầu: Xem hình 1 và nói rõ suy nghĩ của em về hình ảnh Bác Hồ trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950. + Hãy kể những điều em biết về gương chiến đấu dũng cảm của anh La Văn Cầu và tinh thần chiến đấu của bộ đội ta?	lạc quốc tế. + Cần phá tan âm mưu khoá chặt biên giới của địch, khai thông biên giới, mở rộng quan hệ quốc tế. - Trần Đông Khê. Ngày 16-9-1950 ta nổ súng tấn công Đông Khê. Địch ra sức cố thủ..... cứ điểm Đông Khê. - Pháp bị cô lập, chúng buộc phải rút khỏi Cao Bằng, theo đường số 4.... rút chạy. - Diệt và bắt sống hơn 8000 tên địch v.v... Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố và mở rộng. - 3 nhóm cử đại diện trình bày. - Học sinh trao đổi. - Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 ta chủ động mở và tấn công địch. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947...thắng. - Quân đội ta đã lớn mạnh và trưởng thành. + Địch thiệt hại nặng nề. Hàng nghìn tên tù binh mệt mỏi. Trông chúng thật thảm hại. - Học sinh làm việc cá nhân. - Học sinh nêu.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Em học tập được điều gì từ tấm gương dũng cảm của anh La Văn Cầu ? - VN tìm hiểu, sưu tầm thêm các tư liệu về chiến dịch Biên giới 1950	- HS nêu - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

CỦNG CỐ VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cho học sinh về các phép tính với số thập phân đã học.
- Thực hiện thành thạo các phép tính.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 1 tuần 15

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: * Bài 1: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách tìm thừa số chưa biết, số chia chưa biết. * Bài 2: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét. - Nêu thứ tự thực hiện phép tính. * Bài 3: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	- 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HSTL - HS nhận xét - 1 vài HS trả lời

* <u>Bài 4:</u> - Gọi HS đọc đề bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. bài - 1 em lên bảng làm - Nêu cách làm điền dấu - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * <u>Bài 5:</u> - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - Chữa bài nhận xét.	- HS đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nêu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm các phép tính sau: $9,27 : 45$ $0,3068 : 0,26$	- HS làm bài $9,27 : 45 = 0,206$ $0,3068 : 0,26 = 1,18$
- Về nhà vận dụng kiến thức đã học vào tính toán trong thực tế.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 13 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 74: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết thực hiện các phép tính với số thập phân và vận dụng để tính giá trị của biểu thức, giải toán có lời văn .

- HS làm bài 1(a, b, c), bài 2(a), bài 3.

- Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán có liên quan.

2. Năng lực chung: + Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Gọi 1 học sinh nêu quy tắc cộng, trừ số thập phân. - Thực hành tính: $234,5 + 67,8 = \dots$ - Gọi 1 học sinh nêu quy tắc nhân số thập phân với số thập phân và thực hiện tính: $4,56 \times 3,06 = \dots$ - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài. Để thực hành vận dụng các quy tắc thực hiện các phép tính đối với số thập phân, hôm nay chúng ta học bài: Luyện tập chung.	- HS nêu quy tắc. - HS tính bảng con. - HS nêu và thực hiện yêu cầu. - HS nhận xét - HS lắng nghe, ghi vở.
2. HĐ thực hành: (28 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Biết thực hiện các phép tính với số thập phân và vận dụng để tính giá trị của biểu thức, giải toán có lời văn . - HS làm bài 1(a, b, c), bài 2(a), bài 3. <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1(a, b, c): Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Giáo viên nhận xét, kết luận	- HS đọc - Học sinh làm bài vào vở, chia sẻ kết quả a) $266,22 : 34 = 7,83$ b) $483:35 = 13,8$ c) $91,08 : 3,6 = 25,3$

Bài 2a: Cá nhân - Bài yêu cầu làm gì? - Giáo viên gọi học sinh nhắc lại về thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức số. - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét, kết luận Bài 3:Cặp đôi - Giáo viên gọi HS đọc đề bài - Yêu cầu HS làm bài theo cặp đôi Bài 4(M3,4): HĐ cá nhân - HS làm bài cá nhân - Giáo viên cho HS chốt cách tìm SBT, Số hạng, thừa số chưa biết c) $X \times 12,5 = 6 \times 2,5$ $X \times 12,5 = 15$ $X = 15 : 12,5$ $X = 1,2$	- HS nêu - Học sinh nhắc lại. - Học sinh làm bài vào vở, chia sẻ trước lớp a) $(128,4 - 73,2) : 2,4 - 18,32$ $= 55,2 : 2,4 - 18,32$ $= 23 - 18,32$ $= 4,68$ - 1 học sinh đọc - Học sinh thảo luận cặp đôi làm bài vào vở, đôi vở để kiểm tra chéo Giải Số giờ mà động cơ đó chạy là: $120 : 0,5 = 240$ (giờ) Đáp số: 240 giờ. - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên a) $x - 1,27 = 13,5 : 4,5$ $x - 1,27 = 3$ $x = 3 + 1,27$ $x = 4,27$ b) $x + 18,7 = 50,5 : 2,5$ $x + 18,7 = 20,2$ $x = 20,2 - 18,7$ $x = 1,5$
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức thực hiện phép tính sau: Tính bằng hai cách: $4,8 : 1,5 - 1,8 : 1,5$	- HS làm bài:
- Cách 2 của phần ứng dụng vận dụng tính chất gì của phép tính để làm ? - Về nhà tìm các phép tính tương tự để luyện tập thêm.	- Vận dụng tính chất "Một hiệu chia cho một số" - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kể chuyện

TIẾT 15: KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về những người đã góp sức mình chống lại cái đói nghèo, lạc hậu, vì hạnh phúc của nhân dân theo gợi ý của SGK.

- HS HTT kể được câu chuyện ngoài SGK.

- Biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện, biết nghe và nhận xét lời kể của bạn.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Giáo dục tinh thần quan tâm đến nhân dân của Bác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5')	
- Cho HS thi kể lại một đoạn câu chuyện "Pa-xơ và em bé". - GV nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài: Đất nước ta có biết bao người đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần sự giúp đỡ của mọi người. Trong tiết kể chuyện hôm nay các em sẽ kể cho cô và cả lớp nghe về những người có công giúp nhiều người thoát khỏi cảnh nghèo đói và lạc hậu mà các em được biết biết qua những câu chuyện em đã nghe hoặc đã đọc.	- HS thi kể - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (8') <i>* Mục tiêu:</i> Học sinh kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về những người đã góp sức mình chống lại cái đói nghèo, lạc hậu, vì hạnh phúc của nhân dân theo gợi ý của SGK. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hướng dẫn học sinh hiểu yêu cầu đề.</i> - Gọi HS đọc đề bài - Đề yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS đọc gợi ý SGK	- HS đọc đề Đề bài: <u>Kể một câu chuyện em đã nghe hay đã đọc nói về những người đã góp sức mình chống lại cái đói nghèo, lạc hậu, vì hạnh phúc của nhân dân.</u> - HS tiếp nối nhau đọc gợi ý SGK

- Giới thiệu câu chuyện mình chọn? Đó là truyện gì? Em đọc truyện đó trong sách, báo nào? Hoặc em nghe truyện ấy ở đâu?	- HS tiếp nối nhau giới thiệu
3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(23 phút) * Mục tiêu: Kể được câu chuyện theo yêu cầu. * Cách tiến hành:	
- Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét, tuyên dương	- HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể. - HS nghe
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Địa phương em đã làm những gì để chống lại đói nghèo, lạc hậu?	- HS nêu
- Nếu sau này em là lãnh đạo của địa phương thì em sẽ làm những gì để chống lại đói nghèo, lạc hậu?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Kĩ thuật

TIẾT 15: MỘT SỐ GIỐNG GÀ ĐƯỢC NUÔI NHIỀU Ở NƯỚC TA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên và nêu được đặc điểm chủ yếu của một số giống gà được nuôi nhiều ở nước ta.

- Biết liên hệ thực tế để kể tên và nêu đặc điểm chủ yếu của một số giống gà được nuôi ở gia đình hoặc địa phương (nếu có).

- Yêu quý vật nuôi, giúp gia đình chăm sóc chúng.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS hát - Nuôi gà đem lại những lợi ích gì ? - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nêu - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(27 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Kể được tên và nêu được đặc điểm chủ yếu của một số giống gà được nuôi nhiều ở nước ta. - Biết liên hệ thực tế để kể tên và nêu đặc điểm chủ yếu của một số giống gà được nuôi ở gia đình hoặc địa phương (nếu có). <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hoạt động 1:</i> - Kể tên một số giống gà được nuôi nhiều ở nước ta và địa phương. - GV nêu hiện nay ở nước ta nuôi rất nhiều giống gà khác nhau. Em nào có thể kể tên một số giống gà mà em biết? <i>* GV kết luận hoạt động 1:</i> Có nhiều giống gà được nuôi nhiều ở nước ta. Có những giống gà nội như gà gi, gà đông cảo, gà mía, gà ác... Có những giống gà nhập nội như gà tam hoàng, gà lơ go, gà rô, Có những giống gà lai như gà rô - ri <i>* Hoạt động 2.</i> Tìm hiểu đặc điểm của một số giống gà được nuôi nhiều ở nước	- HS theo dõi. - HS kể tên giống gà mà mình biết. - HS kể tên các giống gà: Gà nội, gà nhập nội, gà lai, Gà ri, gà Đông Cảo, gà mía, gà ác... gà Tam Hoàng, gà lơ go.....

ta. - GV cho HS thảo luận trên phiếu học tập.				- HS nghe. - HS thảo luận.			
	Tên giống gà	Đặc điểm hình dạng	Ưu điểm chủ yếu	Nhược điểm chủ yếu			
	Gà gi						
	Gà ác						
	Gà Lơ -go						
	Gà tam hoàng						
- GV phát phiếu cho HS thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả - GV nhận xét kết quả làm việc của từng nhóm - GV kết luận nội dung bài học.				- Các nhóm trình bày. - HS nghe GV kết luận.			
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3phút)							
- Nhà em có nuôi gà không? Đó là những loại gà nào?				- HS nêu			
- Tìm hiểu về hoạt động chăn nuôi gà ở địa phương em?							

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

CỦNG CỐ GIẢI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ SỐ PHẦN TRĂM**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Cùng cố cho học sinh về các phép tính với số thập phân đã học, cách viết tỉ số phần trăm, giải toán về tỉ số phần trăm
- Thực hiện thành thạo các phép tính.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 2 tuần 15

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: Bài 1: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu đặt tính và cách thực hiện. * Bài 2: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu nhận xét về cách tính giá trị biểu thức * Bài 3: - Gọi 1 HS đọc đề bài. Bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. - Hãy nêu cách tìm tỉ số phần trăm của 2 số.	- 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS trả lời

* <u>Bài 4:</u> - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * <u>Bài 5:</u> - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - Chữa bài nhận xét.	- HS đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)	
+ Nêu cách tìm tỉ số phần trăm của 2 số. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp. - Tổng kết tiết học	- HS làm bài
- Về nhà vận dụng kiến thức đã học vào tính toán trong thực tế.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 15 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 74: TỈ SỐ PHẦN TRĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Bước đầu nhận biết về tỉ số phần trăm .
- Biết viết một số phân số dưới dạng tỉ số phần trăm .
- HS làm bài 1 ,2 .
- Rèn kĩ năng viết một số phân số dưới dạng tỉ số phần trăm .

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho 2 học sinh lên bảng thi làm: Tìm thương của hai số a và b biết a) $a = 3$; $b = 5$; b) $a = 36$; $b = 54$ - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài. Tiết học hôm nay chúng ta làm quen với dạng tỉ số mới qua bài tỉ số phần trăm.	- HS làm bài - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Bước đầu nhận biết về tỉ số phần trăm. <i>*Cách tiến hành:</i>	
Giới thiệu khái niệm tỉ số phần trăm * Ví dụ 1 - GV nêu bài toán: Diện tích của một vườn trồng hoa là $100m^2$, trong đó có $25m^2$ trồng hoa hồng. Tìm tỉ số của diện tích hoa hồng và diện tích vườn hoa. - GV yêu cầu HS tìm tỉ số của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa.	- HS nghe và nêu ví dụ. - HS tính và nêu trước lớp : Tỉ số của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa là $25 : 100$ hay $\frac{25}{100}$.

- GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ, sau đó vừa chỉ vào hình vẽ vừa giới thiệu : + Diện tích vườn hoa là 100m^2. + Diện tích trồng hoa hồng là 25m^2. + Tỉ số của diện tích trồng hoa và diện tích vườn hoa là : $\frac{25}{100}$. + Ta viết $\frac{25}{100} = 25\%$ đọc là hai mươi lăm phần trăm. - GV cho HS đọc và viết 25% * Ví dụ 2 - GV nêu bài toán ví dụ : - GV yêu cầu HS tính tỉ số giữa số học sinh giỏi và số học sinh toàn trường. - Hãy viết tỉ số giữa số học sinh giỏi và số học sinh toàn trường dưới dạng phân số thập phân. - Hãy viết tỉ số $\frac{20}{100}$ dưới dạng tỉ số phần trăm. - Vậy số học sinh giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh toàn trường ? -KL: Tỉ số phần trăm 20% cho biết cứ 100 học sinh trong trường thì có 20 em học sinh giỏi. - GV yêu cầu HS dựa vào cách hiểu hãy giải thích em hiểu các tỉ số phần trăm sau như thế nào ? + Tỉ số giữa số cây còn sống và số cây được trồng là 92%. + Số học sinh nữ chiếm 52% số học sinh toàn trường. + Số học sinh lớp 5 chiếm 28% số học sinh toàn trường.	- HS thực hành. - HS nghe và tóm tắt lại bài toán. - Tỉ số của số học sinh giỏi và số học sinh toàn trường là : $80 : 400 \text{ hay } \frac{80}{400}$ - HS viết và nêu : $\frac{80}{400} = \frac{20}{100}$. - 20% - Số học sinh giỏi chiếm 20% số học sinh toàn trường. + Tỉ số này cho biết cứ trồng 100 cây thì có 92 cây sống được. + Tỉ số này cho biết cứ 100 học sinh của trường thì có 52 em là học sinh nữ. + Tỉ số này cho biết cứ 100 học sinh của trường thì có 28 em là học sinh lớp 5
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) *Mục tiêu: - Biết viết một số phân số dưới dạng tỉ số phần trăm . - HS làm bài 1 ,2 . - HS (M3,4) làm bài tập 3 *Cách tiến hành:	

Bài 1: Cá nhân

- GV viết lên bảng phân số $\frac{75}{300}$ và yêu cầu HS: Viết phân số trên thành phân số thập phân, sau đó viết phân số thập phân vừa tìm được dưới dạng tỉ số phần trăm.
- Cho HS phát biểu ý kiến trước lớp.

Bài 2: Cặp đôi

- GV gọi HS đọc đề bài toán
- Cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:
 - + Mỗi lần người ta kiểm tra bao nhiêu sản phẩm?
 - + Mỗi lần có bao nhiêu sản phẩm đạt chuẩn ?
 - + Tính tỉ số giữa số sản phẩm đạt chuẩn và số sản phẩm được kiểm tra.
- + Hãy viết tỉ số giữa số sản phẩm đạt chuẩn và sản phẩm được kiểm tra dưới dạng tỉ số phần trăm.
- GV nhận xét chữa bài

Bài 3(M3,4): Cá nhân

- GV có thể hỏi để hướng dẫn: Muốn biết số cây lấy gỗ chiếm bao nhiêu phần trăm số cây trong vườn ta làm như thế nào?

- 1 HS phát biểu ý kiến, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến đi đến thống nhất

$$\frac{75}{300} = \frac{25}{100} = 25\%$$

- HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ

- 1 HS đọc thầm đề bài
- HS thảo luận cặp đôi

+ Mỗi lần kiểm tra 100 sản phẩm.

+ Mỗi lần có 95 sản phẩm đạt chuẩn.

+ Tỉ số giữa sản phẩm đạt chuẩn và sản phẩm kiểm tra là :

$$95 : 100 = \frac{95}{100}.$$

- HS viết và nêu : $\frac{95}{100} = 95\%$.

- HS làm bài vào vở, sau đó chia sẻ trước lớp

Bài giải

Tỉ số phần trăm của sản phẩm đạt chuẩn và tổng số sản phẩm là:

$$95 : 100 = \frac{95}{100} = 95\%$$

Đáp số: 95%

- HS đọc đề, tự làm bài, báo cáo kết quả

Tóm tắt:

1000 cây : 540 cây lấy gỗ

? cây ăn quả

a) Cây lấy gỗ: ? % cây trong vườn

b) Tỉ số % cây ăn quả với cây trong vườn?

- HS tính và nêu:

$$540 : 1000 = \frac{540}{1000} = 54\%$$

- HS tính và nêu: Trong vườn có 1000 - 540 = 460 cây ăn quả

4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Gọi học sinh nhắc lại ý nghĩa của tỉ số phần trăm. - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài sau: Một trang trại có 700 con gà , trong đó có 329 cn gà trống. Vậy tỉ số phần trăm của số gà trống và tổng số gà là bao nhiêu ?	- HS làm bài Giải Tỉ số phần trăm của số gà trống và tổng số gà là: $329 : 700 = 0,47$ $0,47 = 47\%$ Đáp số: 47%
- Dặn học sinh về nhà làm bài tập chưa hoàn thành và chuẩn bị bài sau.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Tập đọc
TIẾT 30: VỀ NGÔI NHÀ ĐANG XÂY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu nội dung, ý nghĩa : Hình ảnh đẹp của ngôi nhà đang xây thể hiện sự đổi mới của đất nước. (Trả lời được câu hỏi 1, 2, 3)
- Biết đọc diễn cảm bài thơ, ngắt nhịp hợp lí theo thể thơ tự do.
- HS HTT đọc diễn cảm được bài thơ với giọng vui, tự hào.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Tự hào, yêu quý ngôi nhà mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Tổ chức cho 4 học sinh thi đọc và trả lời câu hỏi bài <i>Buôn Chư Lênh đón cô giáo</i>. - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài và tựa bài: <i>Về ngôi nhà đang xây</i>.	- 4 học sinh thực hiện. - Lắng nghe. - Học sinh nhắc lại tên bài và mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (12 phút)	
*Mục tiêu:	
- Rèn đọc đúng từ khó trong bài. - Rèn đọc đúng câu, từ, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới.	
*Cách tiến hành: HĐ cả lớp	
- Gọi 1 HS đọc bài - Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm + Giúp học sinh đọc đúng và hiểu nghĩa những từ ngữ mới và khó trong bài. - Luyện đọc theo cặp - Gọi HS đọc toàn bài - GV viên đọc diễn cảm toàn bài	- Một học sinh (M3,4) đọc 1 lượt bài thơ. - Nhóm trưởng điều khiển nhóm hoạt động + Học sinh đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó. + Học sinh đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 2 kết hợp giải nghĩa từ - Học sinh luyện đọc theo cặp. - Một em đọc toàn bài. - HS theo dõi
Lưu ý: Quan sát và theo dõi tốc độ đọc của đối tượng M1	

2.2. HĐ Tìm hiểu bài: (8 phút)

***Mục tiêu:** Hiểu nội dung, ý nghĩa : Hình ảnh đẹp của ngôi nhà đang xây thể hiện sự đổi mới của đất nước. (Trả lời được câu hỏi 1, 2, 3)

***Cách tiến hành:**

- Cho 1 HS đọc nội dung các câu hỏi trong SGK, giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận TLCH sau đó chia sẻ trước lớp	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài và TLCH sau đó chia sẻ trước lớp
1. Những chi tiết nào vẽ lên hình ảnh 1 ngôi nhà đang xây?	- Giàn giáo tựa cái lồng. Trụ bê tông nhú lên. Bấc thợ nề cầm bay làm việc Ngôi nhà thở ra mùi vôi vữa, ...
2. Tìm những hình ảnh nói lên vẻ đẹp của ngôi nhà.	- Trụ bê tông nhú lên như một mầm cây. Ngôi nhà giống bài thơ sắp làm xong. Ngôi nhà như bức tranh ..
3. Tìm những hình ảnh nhân hoá làm cho ngôi nhà được miêu tả sống động và gần gũi?	- Ngôi nhà tựa vào nền trời sẫm biếc, thở ra mùi vôi vữa. Nắng đứng ngủ quên trên những bức tường.
4. Hình ảnh những ngôi nhà đang xây nói lên điều gì về cuộc sống trên đất nước ta?	- Cuộc sống xây dựng trên đất nước ta rất náo nhiệt, khẩn trương. Đất nước là 1 công trường xây dựng lớn.
- Giáo viên tóm tắt ý chính.	- Học sinh đọc lại: <i>Hình ảnh đẹp của ngôi nhà đang xây thể hiện sự đổi mới của đất nước.</i>
- Nội dung bài: Giáo viên ghi bảng.	

3. HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm: (8 phút)

***Mục tiêu:**

- Học sinh đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết.
- Thuộc lòng 2-3 khổ thơ.
- HS M3,4 thuộc cả bài thơ.

***Cách tiến hành:**

- Đọc nối tiếp từng đoạn	- Học sinh đọc lại.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm khổ 1,2.	- Học sinh đọc nối tiếp nhau cả bài thơ.
- Luyện học thuộc lòng	- Học sinh nhắm học thuộc lòng bài thơ.
- Giáo viên tổ chức cho học sinh thi đọc thuộc lòng từng khổ, cả bài thơ.	- HS thi đọc

4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)

- Thi đua: Ai hay hơn? Ai diễn cảm hơn ?	- Học sinh lần lượt đọc diễn cảm nối tiếp từng khổ thơ.
- Mỗi dãy cử một bạn đọc diễn cảm một khổ mình thích nhất?	- 3 học sinh thi đọc diễn cảm.
- Giáo viên nhận xét, tuyên dương.	- Cả lớp nhận xét – chọn giọng đọc hay nhất.
- Em có suy nghĩ gì về những người thợ đi xây dựng những ngôi nhà mới cho đất nước thêm tươi đẹp hơn ?	- Họ là những người thợ tuyệt vời....

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Tập làm văn
TIẾT 29: LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI
(Tả hoạt động)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được nội dung chính của từng đoạn, những chi tiết tả hoạt động của nhân vật trong bài văn (BT1) .
- Viết được một đoạn văn tả hoạt động của một người (BT2) .
- Rèn kĩ năng tả hoạt động của một người.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Yêu thích viết văn miêu tả.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS thi đọc biên bản cuộc họp tổ, họp lớp, họp chi đội - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS đọc bài làm của mình. - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Nêu được nội dung chính của từng đoạn, những chi tiết tả hoạt động của nhân vật trong bài văn (BT1) . - Viết được một đoạn văn tả hoạt động của một người (BT2) . <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1:Cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS làm bài theo cặp lần lượt nêu câu hỏi yêu cầu nhau trả lời: + Xác định các đoạn của bài văn? + Nêu nội dung chính của từng đoạn? + Tìm những chi tiết tả hoạt động của bác Tâm trong bài văn?	- HS nêu yêu cầu - HS thảo luận và làm bài theo cặp, TLCH - Đoạn 1: Bác Tâm.....cứ loang ra mãi. - Đoạn 2: mảng đường.... vá áo ấy - Đoạn 3: còn lại + Đoạn 1: tả bác Tâm đang vá đường + Đoạn 2: tả kết quả lao động của bác Tâm + Đoạn 3: tả bác đang đứng trước mảng đường đã vá xong. - Những chi tiết tả hoạt động: + Tay phải cầm búa, tay trái xếp rất

Bài 2: Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Hãy giới thiệu về người em định tả? - Yêu cầu HS viết đoạn văn - Gọi HS đọc đoạn văn mà mình viết - GV nhận xét	khéo những viên đá bọc nhựa đường đen nhánh vào chỗ trứng. + Bác đập búa đều xuống những viên đá, hai tay đưa lên hạ xuống nhịp nhàng. + Bác đứng lên vươn vai mấy cái liền. - 2 HS đọc yêu cầu và gợi ý + Em tả bố em đang xây bồn hoa. + Em tả mẹ em đang vá áo.... - HS làm bài vào vở - HS đọc bài viết - HS nghe
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3phút)	
- GV hệ thống lại nội dung chính đã học. - Dẫn học sinh chuẩn bị tiết sau: Quan sát hoạt động thể hiện tính tình của bạn hoặc em bé.	- HS nghe - HS nghe và thực hiện.
- Em sẽ quan sát những gì để thể hiện được tính tình của bạn hoặc em bé ?	- Em sẽ quan sát hoạt động thường ngày, lúc học, lúc chơi,...

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Khoa học
TIẾT 28: TƠ SỢI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết một số tính chất của tơ sợi
- Nêu được một số công dụng, cách bảo quản các đồ dùng bằng tơ sợi
- Phân biệt tơ sợi tự nhiên và tơ sợi nhân tạo.
- Bảo vệ môi trường
- * Lòng ghép GDKNS :
 - Kỹ năng quản lý thời gian trong quá trình tiến hành thí nghiệm.
 - Kỹ năng bình luận về cách làm và kết quả quan sát.
 - Kỹ năng giải quyết vấn đề.

2. Năng lực: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS trả lời câu hỏi: + Nêu tính chất, công dụng, cách bảo quản các loại đồ dùng bằng chất dẻo - GV nhận xét - Giới thiệu bài- Ghi bảng	- HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(27phút) * <i>Mục tiêu:</i> - Nhận biết một số tính chất của tơ sợi - Nêu được một số công dụng, cách bảo quản các đồ dùng bằng tơ sợi - Phân biệt tơ sợi tự nhiên và tơ sợi nhân tạo. * <i>Cách tiến hành:</i>	
Hoạt động 1: Kể tên một số loại tơ sợi. - GV yêu cầu HS ngồi cạnh nhau, quan sát áo của nhau và kể tên một số loại vải dùng để may áo, quần, chăn, màn - GV chia nhóm yêu cầu HS thảo luận nhóm các câu hỏi sau: + Quan sát tranh 1, 2, 3 SGK trang 66 và cho biết hình nào liên quan đến việc làm ra sợi bông, tơ tằm, sợi đay?	- Nhiều HS kể tên - Các nhóm quan sát, thảo luận - Đại diện nhóm trình bày - Lớp nhận xét, bổ sung, hoàn chỉnh + <i>Hình1:</i> Liên quan đến việc làm ra sợi đay. + <i>Hình2:</i> Liên quan đến việc làm ra sợi bông. + <i>Hình3:</i> Liên quan đến việc làm ra

+ Sợi bông, sợi đay, tơ tằm, sợi lanh, sợi gai, loại nào có nguồn gốc từ thực vật, loại nào có nguồn gốc từ động vật? - GV nhận xét, thống nhất các kết quả: Các sợi có nguồn gốc thực vật hoặc động vật được gọi là tơ sợi tự nhiên. Ngoài ra còn có loại tơ được làm ra từ chất dẻo như các loại sợi ni lông được gọi là tơ sợi nhân tạo Hoạt động 2: Thực hành phân biệt tơ sợi tự nhiên và tơ sợi nhân tạo - GV làm thực hành yêu cầu HS quan sát, nêu nhận xét: + Đốt mẫu sợi tơ tự nhiên + Đốt mẫu sợi tơ nhân tạo -GV chốt: Tơ sợi tự nhiên: Khi cháy tạo thành tàn tro + Tơ sợi nhân tạo: Khi cháy thì vón cục lại. Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm sản phẩm từ tơ sợi. - GV chia nhóm, yêu cầu các nhóm đọc thông tin SGK để hoàn thành phiếu học tập sau: <table border="1" data-bbox="113 1115 805 1384"> <thead> <tr> <th>Loại tơ sợi</th><th>Đặc điểm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.Tơ sợi tự nhiên</td><td></td></tr> <tr> <td>- Sợi bông</td><td></td></tr> <tr> <td>- Tơ tằm</td><td></td></tr> <tr> <td>2.Tơ sợi nhân tạo</td><td></td></tr> <tr> <td>- Sợi ni lông</td><td></td></tr> </tbody> </table> - GV nhận xét, thống nhất các kết quả - Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học.	Loại tơ sợi	Đặc điểm	1.Tơ sợi tự nhiên		- Sợi bông		- Tơ tằm		2.Tơ sợi nhân tạo		- Sợi ni lông		sợi tơ tằm. + Các sợi có nguồn gốc thực vật: sợi bông, sợi đay, sợi lanh, sợi gai + Các sợi có nguồn gốc động vật: tơ tằm. - Quan sát thí nghiệm, nêu nhận xét: - Các nhóm thực hiện - Đại diện các nhóm trình bày - Lớp nhận xét, bổ sung, hoàn chỉnh các kết quả: +Vải bông có thể mỏng, nhẹ hoặc cũng có thể rất dày. Quần áo may bằng vải bông thoáng mát về mùa hè và ấm về mùa đông. +Vải lụa tơ tằm thuộc hàng cao cấp, óng ả, nhẹ, giữ ấm khi trời lạnh và mát khi trời nóng. +Vải ni-lông khô nhanh, không thấm nước, dai, bền và không nhàu. - 2 HS nhắc lại nội dung bài học
Loại tơ sợi	Đặc điểm												
1.Tơ sợi tự nhiên													
- Sợi bông													
- Tơ tằm													
2.Tơ sợi nhân tạo													
- Sợi ni lông													
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)													
- Em làm gì để bảo quản quần áo của mình được bền đẹp hơn?	- HS nêu												
- Xem lại bài và học ghi nhớ. - Chuẩn bị: “Ôn tập kiểm tra HKI”.	- HS nghe - HS nghe và thực hiện												

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Địa lí

TIẾT 15: THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số đặc điểm nổi bật về thương mại và du lịch của nước ta:
 - + Xuất khẩu: khoáng sản, hàng dệt may, nông sản, thủy sản, lâm sản; nhập khẩu: máy móc, thiết bị, nguyên và nhiên liệu,...
 - + Ngành du lịch nước ta ngày càng phát triển.
- HS(M3,4):+ Nêu được vai trò của thương mại đối với sự phát triển kinh tế.
- + Nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch
- Nhớ tên một số điểm du lịch Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, vịnh Hạ Long, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu,...

* GDBVMT: Giáo dục các em giữ gìn đường làng, ngõ xóm, giữ gìn vệ sinh chung khi đi du lịch, giáo dục lòng tự hào, có ý thức phân đấu.

2. Năng lực chung: Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: SGK, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho học sinh thi kể nhanh: <i>Nước ta có những loại hình giao thông nào? ...</i> - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi kể - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới :(27phút)	
* Mục tiêu: - Nêu được một số đặc điểm nổi bật về thương mại và du lịch của nước ta. - Nhớ tên một số điểm du lịch Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, vịnh Hạ Long, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu,...	
* Cách tiến hành:	
* Hoạt động 1: Tìm hiểu về các khái niệm thương mại, nội thương, ngoại thương, xuất khẩu, nhập khẩu - GV yêu cầu HS nêu ý hiểu của mình về các khái niệm: +Thế nào là <i>thương mại, nội thương, ngoại thương, xuất khẩu, nhập khẩu?</i> - GV nhận xét câu trả lời của HS, sau đó lần lượt nêu về từng khái niệm:	
*Hoạt động 2: Hoạt động thương mại của nước ta	- 5 HS lần lượt nêu ý kiến, mỗi HS nêu về 1 khái niệm, HS cả lớp theo dõi nhận xét. - HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm 4

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau: + Hoạt động thương mại có ở những đâu trên đất nước ta? + Những địa phương nào có hoạt động thương mại lớn nhất cả nước? + Nêu vai trò của các hoạt động thương mại? + Kể tên một số mặt hàng xuất khẩu của nước ta? + Kể tên một số mặt hàng chúng ta phải nhập khẩu? - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, chỉnh sửa * Hoạt động 3: <i>Ngành du lịch nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển</i> - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm để tìm các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch ở nước ta: + Em hãy nêu một số điều kiện để phát triển du lịch ở nước ta? + Cho biết vì sao những năm gần đây, lượng khách du lịch đến nước ta tăng lên? + Kể tên các trung tâm du lịch lớn của nước ta? - GV mời đại diện 1 nhóm phát biểu ý kiến. - GV nhận xét, chỉnh sửa câu trả lời cho HS, sau đó vẽ sơ đồ các điều kiện để phát triển ngành du lịch của nước ta lên bảng để HS ghi nhớ nội dung này.	HS cùng đọc SGK, trao đổi và đi đến kết luận: + Hoạt động thương mại có ở khắp nơi trên đất nước ta trong các chợ,.... + Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có hoạt động thương mại lớn nhất cả nước. + Nhờ có hoạt động thương mại mà sản phẩm của các ngành sản xuất đến được tay người tiêu dùng....sản xuất phát triển. + Nước ta xuất khẩu các khoáng sản (than đá, dầu mỏ,...); hàng công nghiệp nhẹ (giày da, quần áo, bánh kẹo...) + Việt Nam thường nhập khẩu máy móc, thiết bị, nhiên liệu, nguyên liệu,... để sản xuất, xây dựng. - Đại diện cho các nhóm trình, các nhóm khác theo dõi bổ sung ý kiến. - HS làm việc theo nhóm bàn, cùng trao đổi và ghi vào phiếu các điều kiện mà nhóm mình tìm được. - 1 nhóm trình bày kết quả trước lớp, các nhóm khác theo dõi và bổ sung ý kiến.
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)	
- Địa phương em có ngành du lịch nào ? Hãy giới thiệu về ngành du lịch đó ?	- HS nêu
- Nếu em là một lãnh đạo của địa phương thì em có thể làm gì để phát triển ngành du lịch của địa phương	- HS nêu

CỦNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố cho học sinh về cách viết tỉ số phần trăm, giải toán về tỉ số phần trăm.
- Thực hiện thành thạo các phép tính.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 3 tuần 15

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - HD HS hoàn thành nốt bài tập buổi sáng(nếu còn), theo GA đã soạn Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: * <u>Bài 1:</u> - Gọi HS đọc đề bài - YC HS tự làm bài, 1 HS lên bảng. - Gọi HS trình bày cách thực hiện. - Gọi hs nhận xét bài làm * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách thực hiện. * <u>Bài 3:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tính gì? - YC HS làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét - Nêu cách làm * <u>Bài 4:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì??	HS làm theo hd - HS đọc đề bài - HS làm theo YC - Vài HS trình bày - HS nhận xét - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HSTL - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 vài hs nêu. - 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời

- Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * Bài 5: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét	- HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu
--	--

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)

- Nêu cách tìm tỉ số phần trăm của 2 số. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp. - Tổng kết tiết học	- HS làm bài
- Về nhà vận dụng kiến thức đã học vào tính toán trong thực tế.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 15 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 75: GIẢI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số.
- Giải được các bài toán đơn giản có nội dung tìm tỉ số phần trăm của hai số.
- Giải được các bài toán đơn giản có nội dung tìm tỉ số phần trăm của hai số.
- HS làm được bài 1, bài 2(a,b), bài 3.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** SGK, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu cách chuyển từ phân số thập phân thành tỉ số phần trăm, chẳng hạn: $\frac{75}{300} = \frac{25}{100} = 25\%$ - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số. <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hướng dẫn giải toán về tỉ số phần trăm.</i> - Giới thiệu cách tìm tỉ số phần trăm của 315 và 600 - GV nêu bài toán ví dụ - GV yêu cầu HS thực hiện + Viết tỉ số giữa số học sinh nữ và số học sinh toàn trường. + Hãy tìm thương $315 : 600$ + Hãy nhân 0,525 với 100 rồi lại chia cho 100. + Hãy viết $52,5 : 100$ thành tỉ số phần trăm. - Các bước trên chính là các bước	- HS làm và nêu kết quả của từng bước. + Tỉ số giữa số học sinh nữ và số học sinh toàn trường là $315 : 600$ + $315 : 600 = 0,525$ + $0,525 \times 100 : 100 = 52,5 : 100$ + 52,5%.

chúng ta đi tìm tỉ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh toàn trường. Vậy tỉ số phần trăm giữa số HS nữ và số học sinh toàn trường là 52,5%. - Ta có thể viết gọn các bước tính trên như sau : $315 : 600 = 0,525 = 52,5\%$ - Em hãy nêu lại các bước tìm tỉ số phần trăm của hai số 315 và 600. <i>*Hướng dẫn giải bài toán về tìm tỉ số phần trăm.</i> - GV nêu bài toán: Trong 80kg nước biển có 2,8 kg muối. Tìm tỉ số phần trăm của lượng muối trong nước biển. - GV giải thích: Có 80kg nước biển, khi lượng nước bốc hơi hết thì người ta thu được 2,8 kg muối. Tìm tỉ số phần trăm của lượng muối trong nước biển. - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét bài làm của HS.	- 1 HS nêu trước lớp, HS cả lớp theo dõi, bổ sung ý kiến và thống nhất các bước làm như sau: + Tìm thương của 315 và 600. + Nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải. - HS nghe và tóm tắt bài toán. - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào bảng con
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số. - Giải được các bài toán đơn giản có nội dung tìm tỉ số phần trăm của hai số. - Bài 1, bài 2(a,b), bài 3. <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: Cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài và mẫu - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét bài làm của HS. Bài 2(a,b): Cặp đôi - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS làm bài theo cặp đôi.	- HS đọc đề bài - Cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả $0,57 = 57\%$ $0,3 = 30\%$ $0,234 = 23,4\%$ $1,35 = 135\%$ - Bài tập yêu cầu chúng ta tính tỉ số phần trăm của hai số. - HS lên bảng chia sẻ kết quả a, $0,6333... = 63,33\%$.

- GV nhận xét <u>Cách làm:</u> Tìm thương sau đó nhân nhẩm thương với 100 và ghi kí hiệu % vào bên phải tích vừa tìm được. Bài 3: Nhóm - GV gọi HS đọc đề bài toán. - Muốn biết số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp chúng ta phải làm như thế nào ? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài. - GV nhận xét	b) $45 : 61 = 0,7377... = 73,77\%$ - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - Chúng ra phải tính tỉ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh cả lớp. - Đại diện nhóm lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở <i>Bài giải</i> Tỉ số phần trăm của số HS nam và số HS cả lớp là: $13 : 25 = 0,52$ $0,52 = 52\%$ Đáp số 52%
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm bài sau: Viết tỉ số phần trăm thích hợp vào chỗ chấm: 0,53 =..... 0,7 =..... 1,35 =..... 1,424 =.....	- HS làm bài: 0,53 = 53% 0,7 = 70% 1,35 = 135% 1,424 = 142,4%
- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu
TIẾT 30: TỔNG KẾT VỐN TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số từ ngữ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao nói về quan hệ gia đình, thầy trò, bè bạn theo yêu cầu của BT1, BT2.
- Tìm được một số từ ngữ tả hình dáng của người theo yêu cầu của BT3 (chọn 3 trong số 5 ý a, b, c, d, e).
- Viết được đoạn văn tả hình dáng người thân khoảng 5 câu theo yêu cầu của BT4
- Rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ chính xác khi tả hình dáng một người.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Thể hiện tình cảm thân thiện với mọi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" đặt câu với các từ có tiếng phức ? - Nhận xét câu đặt của HS - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đặt câu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(28 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Nêu được một số từ ngữ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao nói về quan hệ gia đình, thầy trò, bè bạn theo yêu cầu của BT1, BT2 . - Tìm được một số từ ngữ tả hình dáng của người theo yêu cầu của BT3 (chọn 3 trong số 5 ý a, b, c, d, e). - Viết được đoạn văn tả hình dáng người thân khoảng 5 câu theo yêu cầu của BT4. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài tập 1: Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Cho HS hoạt động nhóm - Gọi đại diện nhóm trình bày - GV nhận xét kết luận lời giải đúng.	- HS đọc yêu cầu bài tập - Nhóm trưởng điều khiển nhóm - Đại diện nhóm lên trình bày Đáp án + Người thân trong gia đình: cha mẹ, chú dì, ông bà, cụ, thím, mợ, cô bác, cậu, anh, .. + Những người gần gũi em trong trường

Bài tập 2: Cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu bài - Cho HS thảo luận cặp đôi - HS nêu thành ngữ tục ngữ tìm được, GV ghi bảng - Nhận xét khen ngợi HS - Yêu cầu lớp viết vào vở <i>b) Tục ngữ nói về quan hệ thầy trò</i> + Không thầy đồ mầy làm nên + Muốn sang thì bắc cầu kiều + Kính thầy yêu bạn <i>c) Tục ngữ thành ngữ nói về quan hệ bạn bè</i> + Học thầy không tày học bạn + Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ + Một cây làm chẳng nên non.. Bài 3: Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu - HS thảo luận nhóm - GV nhận xét, chốt lời giải đúng Bài 4: Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài tập - Gọi HS đọc đoạn văn của mình - GV nhận xét	học: thầy cô, bạn bè, bạn thân, ... + Các nghề nghiệp khác nhau: công nhân, nông dân, kĩ sư, bác sĩ... + Các dân tộc trên đất nước ta: Ba - na, Ê - đê, Tày, Nùng, Thái, Hơ mông... - HS đọc yêu cầu - HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ kết quả <i>Ví dụ:</i> <i>a) Tục ngữ nói về quan hệ gia đình</i> + Chị ngã em nâng + Anh em như thể chân tay - Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần + Công cha như núi Thái Sơn.. + Con có cha như nhà có nóc + Con hơn cha là nhà có phúc + Cá không ăn muối cá ươn.. - HS đọc - HS thảo luận nhóm 4, chia sẻ Ví dụ: - Miêu tả mái tóc: đen nhánh, đen mượt, hoa râm, muối tiêu, .. - Miêu tả đôi mắt: một mí, bồ câu, đen láy, lanh lợi, gian xảo, .. - Miêu tả khuôn mặt: trái xoan, thanh tú, nhẹ nhõm, vuông vức, - Miêu tả làn da: trắng trẻo, nõn nà, ngăm ngăm, mịn màng,... - HS nêu yêu cầu - HS làm bài vào vở - 3 HS đọc - HS nghe
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Tìm thêm các câu thành ngữ, tục ngữ thuộc các chủ đề trên ?	- HS nêu
- Về nhà viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-5 câu tả hình dáng người thân trong gia đình em ?	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Tập làm văn
Tiết 30: LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI
(Tả hoạt động)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết lập dàn ý bài văn tả hoạt động của người (BT1).
- Dựa vào dàn ý đã lập, viết được đoạn văn tả hoạt động của người (BT2).
- Rèn kĩ năng lập dàn ý cho bài văn tả hoạt động của người.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Có ý thức và trách nhiệm, cẩn thận, tỉ mỉ khi quan sát.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS đọc đoạn văn tả hoạt động của một người mà em yêu mến. - Nhận xét ý thức học bài ở nhà - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Biết lập dàn ý bài văn tả hoạt động của người (BT1). - Dựa vào dàn ý đã lập, viết được đoạn văn tả hoạt động của người (BT2). <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài và gợi ý của bài - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở - Gọi HS đọc dàn bài của mình. - GV nhận xét, chỉnh sửa	- HS đọc - HS tự lập dàn bài - HS đọc dàn bài Gợi ý: <i>* Mở bài</i> - Giới thiệu em bé định tả, em bé đó là trai hay gái? tên là gì? mấy tuổi? con ai? bé có nét gì ngộ nghĩnh đáng yêu? <i>* Thân bài</i> Tả bao quát về hình dáng của em bé: + thân hình bé như thế nào? + mái tóc + khuôn mặt

Bài 2: Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS làm bài - Cho HS đọc bài của mình - GV nhận xét	+ tay chân Tả hoạt động của em bé: nhận xét chung về em bé, em thích nhất lúc bé làm gì? Em hãy tả những hoạt động của em bé: khóc, cười, tập nói, tập đi, đòi ăn, chơi đồ chơi làm nũng mẹ, xem phim hoạt hình... <i>* Kết bài</i> - Nêu cảm nghĩ của mình về em bé - HS đọc bài của mình - HS đọc - HS làm bài - HS đọc bài viết của mình Ví dụ về dàn bài văn tả em bé. 1. <u>Mở bài</u>: Bé Lan, em gái tôi, đang tuổi tập nói tập đi. 2. <u>Thân bài</u>: Ngoại hình: Bụ bẫm. Mái tóc: Thừa mềm như tơ, buộc thành túm nhỏ trên đầu. Hai má: Bụ bẫm, ửng hồng, có hai lúm đồng tiền. Miệng: Nhỏ xinh luôn nở nụ cười tươi. Chân tay: mập mạp, trắng hồng, có nhiều ngón. Đôi mắt: Đen tròn như hạt nhãn. Hoạt động: Nhận xét chung: Như là một cô bé búp bê luôn biết khóc và biết cười, bé rất lém lỉnh dễ thương. Chi tiết: Lúc chơi: Lê la dưới sàn với một đồng đồ chơi, tay nghịch hết cái này đến cái khác,.. Lúc xem ti vi: Xem chăm chú, thấy người ta múa cũng làm theo. Thích thú khi xem quảng cáo. Làm nũng mẹ: Không muốn ăn thì ôm mẹ khóc. Ôm lấy mẹ khi có ai trêu chọc. 3. <u>Kết bài</u>: Mẹ rất yêu bé Lan, mong bé Lan khỏe, chóng lớn.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Khi viết bài văn tả người, ta tả hình dáng xong rồi mới tả hoạt động hay tả đan xen giữa tả hình dáng và tả hoạt động ?	- HS nêu
- Về nhà hoàn thành đoạn văn, chuẩn bị bài cho tiết kiểm tra viết.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

Hướng dẫn học CỦNG CỐ VỀ VĂN TẢ NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố cho học sinh về văn tả người.
- Biết cách quan sát và tả người.

2. Năng lực chung: - **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập TV: Tiết 2,3 tuần 15

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
Hoạt động 1. HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: * <u>Bài 4:</u> - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài YC gì? - YC HS tự làm bài. - Gọi HS nhận xét. - GV đánh giá, khen * <u>Bài 5:</u> - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài YC gì? - YC HS tự làm bài. - Gọi HS nhận xét. - GV chốt lời giải đúng. * <u>Bài tập làm văn</u> - Yêu cầu HS đọc đề bài - GV hướng dẫn HS nắm rõ yêu cầu của đề bài. - GV: xác định từ ngữ phù hợp để điền vào từng câu cho phù hợp. - HS tự làm dựa vào bài tập - Gọi HS đọc bài làm. - GV nhận xét và chỉnh sửa câu từ cho HS	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 HS đọc y/c bài - HS làm theo YC - HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung. - 1 HS đọc y/c bài - HS làm theo YC - HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung. - HS TL - Hs đọc bài - HS tìm hiểu đề bài - HS lắng nghe - HS làm bài và đọc bài - 1 Vài HS đọc bài văn của mình.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)	

- Chúng ta học được điều gì từ các nhân vật trong truyện? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp. - Tổng kết tiết học	- HSTL
- Dặn HS chuẩn bị bài ngày hôm sau	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

SINH HOẠT LỚP TUẦN 15

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.
- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.

2. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác nhóm.

3. Phẩm chất: Yêu trường, yêu lớp, yêu thầy cô, bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: - Gọi lớp trưởng lên điều hành: 2. Nội dung sinh hoạt: a. Giới thiệu: - GV hỏi để học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu. 1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua. 2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau. 3. Sinh hoạt theo chủ điểm b. Tiến hành sinh hoạt: *Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần Gv gọi lớp trưởng lên điều hành. - Nề nếp: - Học tập: - Vệ sinh: - Hoạt động khác GV: nhấn mạnh và bổ sung: - Một số bạn còn chưa có ý thức trong công tác vệ sinh. - Sách vở, đồ dùng học tập - Kỹ năng chào hỏi ? Để giữ cho trường lớp xanh - sạch- đẹp ta phải làm gì? ? Để thể hiện sự tôn trọng đối với người khác ta cần làm gì? *H. đông 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần	- Lớp trưởng lên điều hành: - Cả lớp cùng thực hiện. - HS lắng nghe và trả lời. - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm: + Tổ 1 + Tổ 2 + Tổ 3 - HS lắng nghe. - HS trả lời

- GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo luận, bàn bạc và đưa ra những việc cần làm trong tuần tới (TG: 5P) - GV ghi tóm tắt kế hoạch lên bảng hoặc bảng phụ - Nề nếp: Duy trì và thực hiện tốt mọi nề nếp - Học tập: - Lập thành tích trong học tập - Chuẩn bị bài trước khi tới lớp. - Vệ sinh: Vệ sinh cá nhân, lớp học, khu vực tư quản sạch sẽ. - Hoạt động khác + Chấp hành luật ATGT + Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh lớp học, khu vực sân trường. - Tiếp tục trang trí lớp học *Hoạt động 3: Sinh hoạt theo chủ điểm - GV mời LT lên điều hành: - HS nhắc lại kế hoạch tuần - LT điều hành + Tổ 1 Kể chuyện + Tổ 2 Hát + Tổ 3 Đọc thơ - GV chốt nội dung, chuẩn bị cho tiết sinh hoạt theo chủ điểm tuần sau. 3. Tổng kết: - Cả lớp cùng hát bài: “Lớp chúng ta đoàn kết”	- Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận và báo cáo kế hoạch tuần 6 + Tổ 1 + Tổ 2 + Tổ 3
--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....